

THIÊN NHIÊN TRONG THƠ CHỮ HÁN CAO BÁ QUÁT TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Tính¹

Tóm tắt: Sinh năm 1808, mất năm 1855, cuộc đời Cao Bá Quát trải qua giai đoạn đầu, độc lập tự chủ của triều Nguyễn và mới chỉ bắt đầu có dấu hiệu xâm lược của phương Tây. Vì vậy, các yếu tố của văn hóa phương Đông chiếm vai trò chủ đạo trong việc hình thành tư tưởng, thế giới quan và thi pháp của Cao Bá Quát. Bài viết này khảo sát và lý giải biểu hiện của đề tài thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát từ góc nhìn văn hóa phương Đông, làm rõ hơn ảnh hưởng của văn hóa phương Đông đến tư duy nghệ thuật về thiên nhiên của Cao Bá Quát, từ đó, góp phần đánh giá về đặc trưng thơ Cao Bá Quát nói riêng, thơ ca trung đại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Cao Bá Quát, văn hóa, phương Đông, thiên nhiên, thơ.

1. MỞ ĐẦU

Thiên nhiên trong văn chương trung đại Việt Nam không chỉ là bức phong nền cho đời sống con người mà còn là tấm gương phản chiếu sâu sắc những đặc điểm của văn hóa phương Đông. Do chịu ảnh hưởng từ nền văn minh gốc nông nghiệp, thiên nhiên luôn hiện diện gần gũi, gắn bó với con người cả trong lao động lẫn tư duy thẩm mỹ. Quan niệm về thiên nhiên trong văn hóa phương Đông được thể hiện rõ qua ba hệ tư tưởng lớn: Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Nho giáo đề cao sự “thiên nhân hợp nhất”, coi thiên nhiên như một phần hữu cơ của con người và vũ trụ, là môi trường lý tưởng để người quân tử tu thân, dưỡng tính, sống thuận theo thiên đạo (như quan niệm “thiên địa vạn vật nhất thể”). Đạo giáo lại hướng đến sự hòa điệu với tự nhiên, đề cao lẽ “vô vi tự nhiên”, lấy sự tĩnh lặng, an nhiên làm chuẩn mực, con người tìm về cái nguyên sơ, hòa tan vào vũ trụ bao la (“Đạo pháp tự nhiên”). Trong khi đó, Phật giáo nhìn thiên nhiên như một cảnh giới giác ngộ, biểu hiện của sự vô thường, là nơi để chiêm nghiệm, tu hành, nơi vạn vật – dù hữu tình hay vô tình – đều mang Phật tính. Thiên nhiên trong văn hóa phương Đông cũng là nơi linh thiêng, huyền nhiệm – là nơi cư ngụ của các vị thần linh, là hiện thân của những sức mạnh siêu nhiên điều hòa cuộc sống. Với loại hình văn hóa gốc nông nghiệp phương Đông, cái nhìn về thiên nhiên cũng đồng thời phản ánh tư duy, tâm niệm của con người gắn bó với nền sản xuất nông nghiệp. Đến với thiên nhiên, thi nhân xưa thường tức cảnh sinh tình, tả cảnh ngụ tình,... Những quan niệm và bút pháp ấy đã in đậm trong thi ca trung đại Việt Nam. Trong đó, thơ chữ Hán của Cao Bá Quát là một minh chứng tiêu biểu cho sự kết tinh của tinh thần văn hóa phương Đông qua cảm quan về thiên nhiên.

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Theo kết quả thống kê¹ của chúng tôi, Cao Bá Quát có tới 985/1212 bài có yếu tố thiên nhiên, chiếm tới 81%. Trong đó có 117/985 bài dành trọn bài viết về thiên nhiên (11.9%). Điều này cho thấy, “Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ” (Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp” (Hồ Chí Minh) và Cao Bá Quát không phải là ngoại lệ. Qua những bài thơ đó, dấu ấn của văn hóa phương Đông hiện diện trên nhiều mặt.

2.1. Thiên nhiên qua sự ảnh hưởng của Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo

Như trên đã nói, Nho giáo và Đạo giáo đặc biệt coi trọng thiên nhiên. Xem thiên nhiên là nơi mẫu mực, hoàn chỉnh là tư tưởng chung của Nho giáo, Đạo giáo. Ảnh hưởng những tư tưởng này, “Hướng tới thiên nhiên là tư tưởng chung của các nhà Nho, như A.X. Mác-tư-nốp nói: “Trong quan hệ với nhân cách nhà Nho, thiên nhiên thực hiện một chức năng hai mặt: Thiên nhiên đề ra nó như một nhân cách, một “tài năng” và thiên nhiên đóng vai trò khuôn mẫu trong quá trình biến nhân cách này thành nhà Nho, vì thế, toàn bộ truyền thống tinh thần Nho giáo hướng đến thiên nhiên như hướng tới một mẫu mực chủ yếu và hoàn chỉnh nhất [3, tr.130]. Thiên nhiên được xem là chuẩn mực và là nơi để di dưỡng tinh thần. Cho nên, văn học trung đại viết nhiều về thiên nhiên, lấy thiên nhiên để thể hiện cốt cách nhà nho.

Trước hết, Cao Bá Quát cũng như nhiều nhà thơ trung đại, viết nhiều về các loài cây, loài hoa đã trở thành ước lệ: cúc, mai, sen, đào,... Những loài cây này là biểu tượng cho phẩm chất của người quân tử (Nho giáo) nhưng cũng ẩn chứa ý niệm về sự kiên cường, vượt lên trên mọi biến động, thuận theo lẽ tự nhiên (Đạo giáo). “*Trình tư cứu giác phong sương thực*” (Dáng vẻ trong trắng, từ lâu đã dày dạn với gió sương - *Bồn lan họa Di Xuân thứ vận*, tr.152), hoa lan:

Nhã khiết phù quân tử,

U lan phẩm tối lương.

Kỳ nhân nguyên tỷ ngọc,

Thử quốc hợp danh hương.

(*Lan tử quân tử*, tr.552-553)

(Tao nhã hợp quân tử

U lan chất lạ thường

Quân tử ấy là ngọc

¹ Căn cứ theo *Cao Bá Quát toàn tập* (Mai Quốc Liên chủ biên) (2004, 2012), hai tập, Nxb.Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, H., (Sách công bố 1212 bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát). Các trích dẫn thơ Cao Bá Quát trong bài đều theo sách này.

Nước lan là danh hương)

(Thái Trọng Lai dịch)

Với Cao Bá Quát, nơi nào có bóng dáng những loài cây ấy, nơi đó thiên nhiên như bừng sáng, vẻ đẹp cũng từ đó mà thăng hoa, được nâng lên thành giá trị thẩm mỹ:

Khing phong điều ngọc khí,

Tế vũ thấp hồi đường.

Trúc tả quyên quyên tịnh,

Hoa thư nhiễm nhiễm hương.

(Hoạ Thận Tư nhật ngọc phục đắc hoà vũ thứ vận)

(Gió nhẹ điều hoà không khí ban trưa,

Lại có mưa rây quanh ao.

Cành trúc (như bút) viết xuống từng giọt sạch trong,

Hoa chậm chậm tỏa hương.)

Vậy nên, ông “Dưỡng cúc” (bài 139, tập 2), “Trồng một cây mai” (tr.730, tập 1). Ông đặt nhiều hi vọng vào sự lan tỏa của hoa mai, của cái đẹp:

Thị tương mai tử trịch sơn gian,

Nhất ác thanh tư ký bích loan.

Ký thủ lai thời xuân sắc hảo

Dữ nhân cộng tác họa đồ khan.

(Tài mai, tr.730, tập 1)

(Thử đem hột mai ném lên trên núi,

Một nắm giống thanh tao gửi vào ngọn đá xanh.

Hãy nhớ lấy: sau này, khi vẽ xuân tươi tốt,

Sẽ thành một bức tranh cho mọi người xem chung).

Cùng với cúc, mai, lan,... - những loài cây tượng trưng cho khí phách, phẩm chất cao đẹp của quân tử, Cao Bá Quát cũng thường hướng đến những cảnh đẹp tuyệt mỹ của thiên nhiên. Ông có nhiều bài vịnh về thắng cảnh và tiết trời êm đẹp. Đặc biệt, ông có 5 bài về hồ Trúc Bạch, có 8 bài về hồ Tây, 10 bài tuyệt cú ngày xuân, 14 bài về sông Hương... Ông ngắm Tây hồ yêu kiều:

Điên đảo xuân tâm bất tự tri,

Tây hồ chân cá tự Tây Thi.

Doanh doanh thúy đại ba bình hậu,

Khúc khúc quần yêu thảo lục thì.

(Du Tây hồ bát tuyết, kì nhị)

(Lòng xuân nghiêng ngã không tự kìm giữ nổi,

Hồ Tây quả thật như nàng Tây Thi.

Vẻ mây nở nang là khi lớp sóng vừa lặng,

Dây lưng uốn lượn là lúc cỏ đương xanh.)

và dạo chơi hồ Trúc Bạch:

Khinh sam đoàn phiến thượng lan nhiều,

Đắc đắc cơ hồn phục tửu chiêu.

Bán bức hồ quang đình ngoại hợp,

Thập phần thu sắc nhãn trung miêu.

Tịch dương chung khởi Châu Long tự,

Sơ nguyệt nhân quy Lạc Chính kiều.

Tùy hứng bất phương tầm Đỗ bạn,

Niên lại thân thể phó ngư tiều.

(Trúc Bạch hồ văn phẩm, tr.1451-1452, tập 2)

(Áo nhẹ, quạt lông tròn, chèo mái chèo lan,

May mắn sao, tâm hồn bị ràng buộc lại được cúi nhận chén rượu chào mời.

Nửa bức mặt hồ trong bên ngoài ngôi đình,

Mười phần sắc thu (đẹp) in vào trong mắt nhìn.

Trong bóng chiều tiếng chuông chùa Châu Long nổi lên,

Trăng vừa mọc, người quay về cầu Lạc Chính.

Lúc hứng không ngại tìm đến bạn Đỗ,

Rồi đây thân thể phó mặc theo nghề câu cá và kiếm củi)

Những cảnh sắc này chẳng những thể hiện tâm hồn nghệ sĩ mà còn cho thấy sự giao cảm với vũ trụ của Cao Bá Quát. Thiên nhiên là nơi ông tìm về tự do, hòa nhập với Đạo, là nơi lánh đời, tìm về sự thanh tịnh, vô vi. Thiên nhiên là biểu tượng cho sự tự do, thoát tục, thanh thoi, không vướng bận danh lợi. Cũng nơi ấy hai câu cuối của bài cho thấy tâm trạng u uất, bất mãn trước thời cuộc, sự bế tắc của người trí thức “hiền triết bất đắc chí tất ần”. Thiên nhiên đã trở thành nơi nhà nho Cao Bá Quát thể hiện những nỗi niềm.

Bên cạnh Nho giáo, Đạo giáo, thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát còn là nơi cảnh giới của sự chiêm nghiệm Phật tính và vô thường. Mặc dù Cao Bá Quát chủ yếu theo

Nho, nhưng ông vẫn có những rung cảm giao thoa với Phật giáo trong không ít bài. Chẳng hạn:

- *Ba tỉnh hàn ngư không hấp ảnh,*

Nguyệt minh cao diệu thượng nghi cung.

(Thanh minh nhật cảm tác, hoạ Trần Ngô Hiên)

(Mặt sóng lặng, cá lừng lơ đớp cái bóng không,

Vành trăng sáng, chim trên cao còn tưởng cung thật.)

- *Ngạn trách phan nguyặng,*

Huê hồ tứ viễn du.

Bán nhai tàng tự trách,

Nhất kính nhập sơn u.

(Dạ du Bối Am động tuyết hậu chấp chúc đề bích)

(Bờ tối như trùm khăn, vịn từng bậc đá lên cao,

Ôm bầu rượu làm cuộc viễn du phóng túng.

Lưng núi đá ẩn giấu ngôi chùa nhỏ,

Một lối nhỏ dẫn vào núi âm u.)

- *Uỷ ba vô định ảnh,*

Trước lộ bất thăng hàn.

Y trạo cô vân viễn,

Thôi bông bích thuỷ khoan.

(Chu trung đối nguyệt)

(Ánh trăng đầy đưa theo sóng không có bóng hình ổn định,

Sương đêm thấm lạnh xiết bao!

Tựa mái chèo (trông) chòm mây lẻ trôi xa,

Xua đám cỏ bông cho vùng nước biếc thêm rộng.)

Ở những bài này, cảnh sắc biến đổi: mây tan hợp, trăng khuyết tròn, cỏ bông nổi trôi.. gọi nhắc về lẽ vô thường của cuộc đời, sự hữu hạn của kiếp người; không gian thiên định: chùa chiền, am thất giữa thiên nhiên u tịch, là nơi để suy tư về nhân sinh, về cõi hư không, về sự giải thoát.

Có thể nói, thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát không chỉ là cảnh vật đơn thuần mà còn là tấm gương phản chiếu tư tưởng triết học phương Đông, đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc của Nho, Phật và Đạo. Thơ ông có tinh thần “thiên nhân hợp nhất”, thiên nhiên là

chuẩn mực của Nho giáo; là nơi tự do, tiêu dao của Đạo giáo và cũng là những biểu hiện vô thường, trầm luân của Phật giáo.

2.2. Thiên nhiên qua sự ảnh hưởng của văn hóa gốc nông nghiệp

Việt Nam vốn thuộc loại hình văn hóa nông nghiệp. Đặc trưng sản xuất phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên đã hình thành ở con người thói quen quan sát, chiêm nghiệm và cảm nhận sâu sắc về thiên nhiên. Trong môi trường sống ấy, thiên nhiên không chỉ là cảnh quan mà còn là yếu tố quyết định mùa màng, là đối tượng được con người theo dõi từng biến chuyển – mây bay, gió thổi, trăng lên, sương rơi – để gieo trồng, thu hoạch, mưu sinh. Chính sự gắn bó thiết thân đó đã tạo nên một mối quan hệ hài hòa, gắn bó giữa con người và thiên nhiên, đồng thời nuôi dưỡng khả năng cảm thụ tinh tế và nhạy cảm trước cảnh vật.

Cùng với những ảnh hưởng của tư tưởng Nho, Phật Đạo, yếu tố văn hóa gốc nông nghiệp ảnh hưởng lớn đến các đặc điểm thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát. Với người nông dân, mưa nắng, mây trời,... là gắn liền với chuyện được mùa, mất mùa, là no hay đói:

*Tàn thiên cao khiêu mộ giang thiên,
Thiên khí khinh âm tác tiểu nghiên.
Tây nhật bán trầm vân tự bạo,
Nam phong hốt lãnh điện như tiên.
Nhất thanh oa tử xao từng mãng,
Vạn điểm thanh đình sường dã yên.
Diễn tẩu quy lai hà thái hỉ!
Đồn đề liệu lí hạ phong niên.*

(Tương vũ hí tác)

(Tiếng ve cuối mùa vút cao vào khoảng trời sông ban chiều,
Khí trời dịu nhẹ làm cho cảnh vật thêm xinh đẹp.
Mặt trời phía Tây lặn còn một nửa, đám mây tựa hình con trai,
Gió nam chợt thổi lạnh, tia chớp trông giống chiếc roi da.
Tiếng ếch kêu vang trong bụi rậm,
Muôn đóm chuồn chuồn nhón nhơ bay trong làn khói ngoài đồng.
Lão nông phu trở về, hớn hờ làm sao,
(Có) chân giò lợn chuẩn bị mừng năm được mùa.)

Cao Bá Quát dùng tiếng ve cuối mùa để giới thiệu thời gian: cuối hè, đầu thu. Hai chữ “tàn thiên” thường được người xưa dùng trong thi văn để chỉ con ve mùa thu, khi mùa hạ của chúng đã qua. Chiều xuống, mây đen ùn ùn từng lộn (như hình con trai), gió lớn, chớp giạt. Khí trời thay đổi đột, báo hiệu sắp có mưa lớn. Loại côn trùng rất nhạy, nên có phản ứng rất thú vị. Éch kêu ồm ộp làm rung động bụi rậm. Vô số chuồn chuồn xuất hiện, bay lượn nhón nhờ trên đồng. Những tín hiệu ấy báo hiệu mưa sắp đến. Loài vật dường như cũng đang háo hức. Bác nông dân trên đồng trở về nhà trong tư thế hết sức vui mừng, hớn hờ. Bác ta nghĩ ngay đến chiếc giỏ lợn ăn mừng vì một mùa bội thu (miễn có mưa lớn thì nhất định sẽ được mùa). Cảnh tượng lúc sắp mưa trong thơ Cao Bá Quát rộn ràng hình ảnh, âm thanh sinh động, rõ ràng gắn liền với đời sống của những dân lao động bán mặt cho đất bán lưng cho trời.

Vì luôn luôn phụ thuộc vào thiên nhiên nên người dân gốc nông nghiệp chú ý quan sát tự nhiên. Những cảnh thiên nhiên khắc nghiệt, dữ dội, thất thường, huỷ diệt làm con người sợ hãi, khiến con người cảm thấy nhỏ bé trước thế lực thiên nhiên khủng khiếp. Có lẽ, đây chính là lí do thơ chữ Hán của Cao Bá Quát có nhiều bài viết về *sự khắc nghiệt của tự nhiên*.

Thơ chữ Hán Cao Bá Quát có những vùng đất thực là cảnh chết, toàn cát là cát, đất đai cằn lụi, không chút màu mỡ: *Tứ vọng hoàng sa thiên vạn điệp/ Thử sinh quán kiến tiểu tiêu hồn* (Bốn phía cát vàng muôn ngàn lớp/ Cuộc sống ở đây vẫn thế, đúng là đáng kinh sợ – *Thuận Trạch chu hành Động Hải*). Có những tiết lạnh, buốt thấu xương: *Bạch lộ, thanh sương sảo xâm cốt* (Móc trắng, sương trong đã bắt đầu lạnh buốt đến xương – *Trà giang thu nguyệt ca*). Có cảnh khô hạn lâu (*Cửu hạn*), khi mưa lại dầm dề không tạnh (*Tích vũ thán*). Có cảnh mưa gió dữ dội, điên cuồng: *Bạo vũ khuynh thiên lậu/ Phi đào tấp địa lai* (Mưa dữ như nghiêng trời đổ xuống/ Sóng tung toé ngập tràn mặt đất – *Đối vũ*), *Bắc phong phi vũ tẩu kinh sa* (Gió bắc mưa bay cát kinh hãi chạy – *Bắc phong*). Có cảnh lụt lội khủng khiếp: *Đông phong mộ xuy kính/ Nộ lãng vô đình hào/ Dạ giác thể chuyển hoạnh? Ông ông bách kê trưởng/ Tẩu chủ dữ trào cạnh/ Nghịch đào tẩu bành phái/ Phún bạc khí vị định/ Hạo hãn thiên vạn thôn/ Khoảnh khắc xuyên hải tính* (Gió đông thổi rất mạnh về chiều/ Sóng giận dữ không ngừng gào thét/ Đêm đến thể càng hung hãn/ Nước trăm khe ồ ạt dâng cao/ Trút về giành giật với thủy triều/ Sóng ngược chạy âm âm/ Phun hơi mỏng không ngừng/ Muôn nghìn xóm mệnh mông/ Khoảnh khắc bị sông biển nuốt – *Dạ lao*)... Với những câu thơ này, thế giới tự nhiên trong thơ Cao Bá Quát được khắc hoạ ở mặt trái của nó. Nó hiện hình lên sự dữ dội, độc ác, đe dọa cuộc sống của con người.

Không chỉ là những trận rét như cắt, nóng như than lửa, rồi mưa dữ, sấm sét, cuồng phong, lũ lụt..., sự khắc nghiệt của thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát còn thể hiện ở sự

thất thường của nó. Những trận gió giạt, mưa tuôn, nóng lạnh đột ngột xuất hiện: *Nam phong tạc dạ nộ đào thanh* (Đang đêm nổi gió nồm, sóng gầm dữ dội – *Quá Bình Định dương phận vọng Cù Mông sơn*), *Mộ kiến đông phương minh/ Vân căn thổ hoa nguyệt/ Sạ kinh giang thượng phong/ Sâu vũ tán phi đột* (Tôi thấy phương Đông sáng/ Trăng ló phía chân mây/ Bỗng gió giạt trên sông/ Mưa rào tuôn đột ngột – *Trung thu nguyệt*), *Tàn nhật hàn vân bế/ Bạc mộ hốt vì minh* (Cả ngày đóng chặt cửa vì mưa rét/ Xẩm tối thoát nhiên ánh sáng lại loé lên – *Hàn vũ sảo tức, dạ ngẫu kiến nguyệt, hoạ Phương Đình*). Nó thay đổi khủng khiếp đến mức không thể ngờ, đi từ trạng thái cực đoan này sang trạng thái cực đoan khác: *Tạc dạ sâu hàn sinh/ Kiết kiết nghiêm phong thích/ Hiểu lai sương lộ thấu y thường/ Mạch thượng bất kiến hành nhân tích/ Kim nhật thoái hàn uy/ Liệt liệt lưu hy hách/ Phiền thâm nhiệt trọng bất thăng sam/ Y trụ bồi hồi hãn như trích* (Đêm trước trận rét bất thành linh/ Áo ào cơn gió thổi lạnh buốt/ Sáng ngày ra sương móc thấm áo xiêm/ Trên đường không thấy vết chân người đi lại/ Hôm nay hết rét rồi/ Ánh mặt trời hừng hực toả ra/ Bức bối, khó chịu, chiếc áo lót mình cũng không dám mặc/Tựa cột bồn chồn mồ hôi nhỏ giọt – *Kim nhật hành*)...

Đáng nói là sự thất thường ấy không phải chỉ là trong chốc lát, ngày này ngày khác mà kéo dài liên tục, thậm chí cả năm trời, từ đầu năm đến cuối năm: *Xuân lai tích lịch thịnh/ Xứ xứ hữu áp tử/ Phong long thực bất liêm/ Cao thu thượng thủy sử* (Xuân sang đã sết nhiều/ Nơi nơi đều có người bị đánh chết/ Thần phong long thực không biết điều/ Cuối thu rồi, ai khiến làm thế nữa – *Trung dạ thập tứ vận*). Những sự thất thường của thiên nhiên mang đến cho con người tai hoạ đáng sợ. Không thể lường trước nên cũng không thể đối phó. Thiên nhiên hiện hình thành một thế lực khủng khiếp!

Nhìn chung, thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát hiện lên qua lăng kính của một con người phương Đông truyền thống. Vào đầu thế kỉ XIX, Việt Nam vẫn là một quốc gia thuần nông, chưa có nền khoa học phát triển hay những dự báo thời tiết từ các nhà nghiên cứu chuyên sâu. Con người khi ấy chủ yếu dựa vào kinh nghiệm dân gian để cảm nhận và ứng xử với tự nhiên. Chính vì thế, thiên nhiên vẫn còn là một thế giới đầy bí ẩn, vừa gần gũi lại vừa huyền nhiệm trong cảm thức của thi nhân.

2.3. “Tức cảnh sinh tình”, “tả cảnh ngụ tình” và lấy thiên nhiên làm hệ quy chiếu

“Tức cảnh sinh tình” và “tả cảnh ngụ tình”, lấy thiên nhiên làm hệ quy chiếu là đặc điểm tiêu biểu của thơ ca trung đại phương Đông. Những phương diện “tức cảnh sinh tình”, “tả cảnh ngụ tình”, lấy thiên nhiên làm hệ quy chiếu thường xuyên thể hiện trong thơ chữ Hán Cao Bá Quát.

“Tức cảnh sinh tình” là khi nhà thơ gặp cảnh liền xúc cảm, mượn cảnh thực tại để khơi dậy và bộc lộ cảm xúc. Hứng thơ, theo Cao Bá Quát, đến rất tự nhiên, bất chợt, đó là khi chạm vào cảnh, như cơn mưa đến tự nhiên giục thi nhân có thơ ca: Đầy trời mưa đúng lúc/ Giúp ta có hứng ngâm/ Chèo thuyền giục tay bút/ Đối khách thơ mới ra/ Tình thần tràn mặt giấy/ Tí tách vó ngựa phi/ Ngân hà tranh rửa bút/ Tầm sét mượn tu từ/ Khắc lời nghĩ theo gió/ Ngọc nảy kết ý hay/ Rào rào tiếng vang dội/ Lời chọn thấm đẫm tình/ Chắc sớm tìm li châu (*Ứng thị vũ thôi thi*).

“Tả cảnh ngụ tình” là thủ pháp mô tả cảnh vật bên ngoài nhằm gửi gắm tâm trạng nội tâm của chủ thể trữ tình. Cảnh và tình luôn gắn bó mật thiết, làm nổi bật thế giới tinh thần phong phú của nhà thơ. Cảnh thường là thiên nhiên quen thuộc như trăng, mây, hoa, núi, nước... nhưng lại mang đậm màu sắc tâm trạng. Thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến... đều vận dụng linh hoạt hai đặc điểm này. Chúng giúp thơ ca vượt qua giới hạn tả thực, đạt đến chiều sâu triết lý và nhân sinh. Cao Bá Quát mượn thiên nhiên để gửi gắm tâm trạng trong nhiều trường hợp. Trong đó, nhiều nhất có lẽ là việc mượn thiên nhiên để phản ánh sự ngột ngạt của xã hội và kí thác sự bức bối trong tư tưởng, tâm trạng của mình: *Ám vân thủy xúc nhữ/ Thiên bán thượng du nhiên* (Mây đen ai động chạm đến mi/ Mà ùn lại ở lưng trời – *Đối vũ, kì nhĩ*), *Tứ hải dĩ vọng vũ/ Ngũ lô trường bế san* (Bốn bể đã mong mưa rồi/ Sao phép ngũ lô còn giữ kín trong núi? – *Du vân*), *Nam huân tiêu tức lai hà vân?/ Lan đắc cuồng xuy dĩ tứ canh* (Tin tức gió Nam đến sao muộn thế?/ Ngăn được gió thổi điên cuồng đã sang canh tư – *Thập tứ dạ Nghệ An thành trị bạo phong*)... Sự bức bối ấy đã thôi thúc con người phải hành động, phải thay đổi:

Ô hô! Hàn thử biến thái thúc hốt gian,

Bất tri lai nhật thử hoặc hàn?

Như hà cửu toạ linh tâm toan!

(Kim nhật hành)

(Than ôi! Nóng lạnh đổi thay trong chốc lát,

Nào ai biết ngày mai nóng hay rét?

Sao cứ ngồi đây cho lòng xót xa!)

Có thể nói, ở thơ chữ Hán Cao Bá Quát, “tức cảnh sinh tình” thường khởi nguồn cảm hứng, còn “tả cảnh ngụ tình” tạo nên chiều sâu biểu cảm. Hai đặc điểm này thể hiện sự hòa quyện giữa con người và vũ trụ, giữa ngoại cảnh và nội tâm.

Về phương diện lấy thiên nhiên làm hệ quy chiếu, như trên đã nói, các nhà nho coi trọng thiên nhiên, coi thiên nhiên là chuẩn mực. Thêm nữa, trong tâm thức người phương Đông, thiên nhiên tuyệt mỹ, thiên nhiên cũng là lực lượng siêu nhiên, gắn với các vị thần (thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp,...) vượt ra ngoài sự hiểu biết và kiểm soát của

con người. Do đó, khi diễn đạt, tái hiện các sự vật, hiện tượng, các nhà thơ xưa thường lấy thiên nhiên làm hệ quy chiếu, so sánh sự vật, hiện tượng với thiên nhiên để làm nổi bật vấn đề cần phản ánh. Trong thơ chữ Hán Cao Bá Quát, thiên nhiên xuất hiện tên cả hai phương diện: được tái hiện, xúc cảm và được dùng làm chuẩn để đối sánh, mô tả. Thiên nhiên được dùng để so sánh, ẩn dụ, thành hệ quy chiếu, nơi biểu đạt cảm xúc. Ở trên, tác giả bài viết đã nói đến việc Cao Bá Quát dùng bút pháp vịnh, viết về mai, cúc, sen,... để làm mẫu cho bậc quân tử, qua đó “tỏ lòng”, “ngôn chí” của tác giả. Đến đây, xin nói thêm việc Cao Bá Quát dung thiên nhiên để miêu tả những sự kì vĩ và khủng khiếp. Cao Bá Quát đã dùng thiên nhiên để miêu tả sự kì diệu của tàu thủy- lần đầu Cao Bá Quát nhìn thấy. Loại tàu đó, nay gọi là tàu thủy. Nhưng bấy giờ, dung than đốt nên người phương Đông gọi là tàu hỏa: *Cao yên quán thanh không/ Tả tác bách xích đôi/ Yêu kiều thủy thiên long/ Cương phong xuy bất khai* (Khói ừn ừn tuôn lên trời xanh/ Toả ra thành một đồng cao hàng trăm thước/ Gió mạnh thổi cũng không tan), *Vô phàm, vô lỗ, vô nhân thôi/ Long nha, Xích khảm bách lý ngoại/ Đàn chỉ tảo khước kinh lan hồi...* (Không buồm, không chèo cũng không người đẩy/Từ những đảo Nanh Rồng, hang Đá Đỏ xa ngoài trăm dặm/ Chỉ búng ngón tay đã vượt qua những đợt sóng kinh người...). Đặc điểm khói tuôn cao và tốc độ nhanh của con tàu được Cao Bá Quát dung thiên nhiên để thể hiện. Với sự miêu tả tường tận như vậy, người đọc thế kỉ sau vẫn dễ dàng hình dung được con tàu mà Cao Bá Quát quan sát. Miêu tả cảnh bị tra tấn, ông cũng khắc họa qua thiên nhiên:

*Quan thanh tích lịch tôi đài lương,
Điện quang thiểm thiểm giao phi tường.
Hân như song giao bách hoại đường,
Bãi như lãnh thủy quán cấp thang.*

(*Đăng tiên ca*, tr.347-352, tập 1)

(Quan thét lên như tiếng sét, rung cả tường nhà
Roi quất nhoang nhoáng bay đi liệng lại như ánh chớp.
Lúc giờ lên như hai con thường luồng quất vào bờ ao lở,
Lúc ngừng như nước lạnh đổ vào nồi nước sôi)

Đoạn thơ trên là một minh chứng điển hình cho sự miêu tả sống động và sức liên tưởng tới thiên nhiên của Cao Bá Quát khi viết về cảnh tra tấn. Thay vì tường thuật trực tiếp sự đau đớn của con người, ông khéo léo chuyển tải nỗi kinh hoàng ấy qua hình ảnh thiên nhiên dữ dội. Tiếng quất của quan như tiếng sấm sét, roi vút như chớp giạt – tất cả tạo nên một bầu không khí căng thẳng, bạo liệt và hãi hùng. Hai câu sau càng đặc sắc khi liên tưởng cú quất roi với hình ảnh “song giao” – hai con rồng dữ dội, tạo nên sức ép kinh

hoàng, rồi so sánh sự ngưng lại bất ngờ với cảm giác nước lạnh đổ vào nồi nước sôi – sự tương phản ấy lột tả rõ sự dằn vặt, giằng xé cả thể xác lẫn tinh thần. Sau này, nhớ lại cảnh tra tấn, ông vẫn khắc họa qua thiên nhiên như vậy:

Ký đắc tạc tiêu kinh tích lịch,

Hỏa tiên bồn xứ, lẫm thiên uy.

(*Trường giang thiên*, tr.977-978, tập 1)

(Nhớ lại đêm qua tiếng sét nổi lên kinh khủng,

Nơi có roi lửa vụt tới, rung rợn oai trời)

Có thể thấy, mọi thứ mạnh mẽ, kỳ diệu, khủng khiếp nhất trong thơ Cao Bá Quát đều được khắc họa thông qua thiên nhiên và bằng chính hình ảnh thiên nhiên.

Những bút pháp trên cho thấy cái nhìn nghệ thuật luôn lấy thiên nhiên làm trung tâm để phản chiếu thế giới nội tâm và hiện thực xã hội. Cao Bá Quát đã viết về thiên nhiên theo hệ hình tư tưởng phương Đông truyền thống.

3. KẾT LUẬN

Thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát giữ vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ là phong nền thẩm mỹ mà còn là nơi thi nhân gửi gắm tư tưởng, cảm xúc và những chiêm nghiệm sâu xa về cuộc đời. Qua thiên nhiên, ông thể hiện rõ ảnh hưởng của văn hóa phương Đông trên nhiều phương diện: ảnh hưởng của Nho, Phật, Đạo; ảnh hưởng của tư duy văn hóa gốc nông nghiệp, tức cảnh sinh tình, tả cảnh ngụ tình, lấy thiên nhiên làm hệ quy chiếu,... Trong hướng nghiên cứu tiếp theo, có thể bổ sung thêm vấn đề đi sâu tìm hiểu các phương thức thể hiện thiên nhiên theo tinh thần văn hóa phương Đông, từ đó mở rộng nghiên cứu về thơ chữ Hán Cao Bá Quát nói riêng và văn học trung đại Việt Nam nói chung dưới ánh sáng của văn hóa truyền thống.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho Đề tài Khoa học, mã số: HPU2.2024-CS.01

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Cao Bá Quát toàn tập* (Mai Quốc Liên chủ biên) (2004), tập I, Nxb.Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
2. *Cao Bá Quát toàn tập* (Mai Quốc Liên chủ biên) (2012), tập II, Nxb.Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Sơn, Trần Đình Sử, (1995), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, NXB Giáo dục.
4. A.Ja. Gurêvich (1996), *Các phạm trù văn hoá trung cổ*, Hoàng Ngọc Hiến dịch, Nxb.Giáo dục, Hà Nội.

NATURE IN CAO BÁ QUÁT'S CLASSICAL CHINESE POETRY FROM THE PERSPECTIVE OF EASTERN CULTURE

Nguyen Thi Tinh

Abstract: Born in 1808 and passing away in 1855, Cao Bá Quát lived during the early period of the Nguyễn dynasty's independence and sovereignty, a time when Western colonial influence had only just begun to appear. Therefore, elements of Eastern culture played a dominant role in shaping Cao Bá Quát's ideology, worldview, and poetic style. This article examines and interprets how the theme of nature is expressed in Cao Bá Quát's poetry from the perspective of Eastern culture, thereby clarifying the influence of Eastern thought on his artistic perception of nature. Through this analysis, the article also contributes to the evaluation of the distinctive characteristics of Cao Bá Quát's poetry in particular, and Vietnamese medieval poetry in general.

Keywords: Cao Ba Quat, Eastern, culture, nature, poetry.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-7-2025; ngày phản biện đánh giá: 15-8-2025; ngày chấp nhận đăng: 19-8-2025)